| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN D**<br>**TỈNH KHÁNH HÒA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số:49/2018/HNGĐ-ST<br>Ngày: 04-10-2018<br>V/v "Ly hôn". | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D - TỈNH KHÁNH HÒA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Huỳnh Thị Tín,

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Phạm Thị Hòa,

2. Ông Đỗ Công Luận.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên toà:*** Ông Hồ Hữu Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện D - tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 261/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018, Thông báo dời ngày xét xử ngày 18 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị C - Sinh năm: 1979, "có mặt"

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ dân phố P 1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Chỗ ở hiện nay: Đội 5, thôn H, xã T, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

- *Bị đơn:* Ông Lưu Trọng N - Sinh năm: 1976, "vắng mặt"

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ dân phố P 1, thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Ông Lưu Trọng N đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam A2 thuộc Bộ Công an, địa chỉ: xã L, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 26/6/2018, bản tự khai ngày 10/7/2018 , nguyên đơn bà Trần Thị C trình bày*: Bà và ông Lưu Trọng N chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 31/12/2002 tại Ủy ban nhân dân thị trấn D. Thời gian đầu bà và ông N chung sống hạnh phúc nhưng về sau phát sinh mâu thuẫn, do ông N sử dụng ma túy, quen với người phụ nữ khác, không quan tâm đến gia đình, bà cố gắng chịu đựng nhưng ông N không thay đổi nên gia đình không hạnh phúc. Từ tháng 8/2015 đến nay, ông N thi hành án phạt tù tại Trại giam A2. Bà xác định không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu được ly hôn với ông Lưu Trọng N.

Về con chung: Bà và ông N có hai con chung là Lưu Gia K (sinh ngày 22/6/2004) và Lưu Gia H (sinh ngày 05/6/2014). Bà yêu cầu nuôi hai con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà C xác định không có tài sản chung và nợ chung với ông N.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/7/2018, bị đơn ông Lưu Trọng N trình bày*: Ông N thống nhất như ý kiến của bà C đã trình bày trên về quan hệ hôn nhân, về thời gian chung sống. Trong quá trình chung sống, vợ chồng ông xảy ra mâu thuẫn, bất hòa, do ông sử dụng chất kích thích, có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không có thời gian quan tâm đến vợ con. Tuy nhiên ông vẫn còn yêu thương vợ, nhận thấy bản thân có lỗi và mong muốn cải tạo tốt để quay về với gia đình. Ông N có đơn xin hòa giải và xét xử vắng mặt. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông đồng ý để bà C nuôi hai con chung, ông không cấp dưỡng nuôi con chung. Ông và bà C không có tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa, bà C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lưu Trọng N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị C và ông Lưu Trọng N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà C và ông N xác định hai bên có nhiều mâu thuẫn, chung sống không hạnh phúc. Ông N trình bày còn yêu thương vợ con nhưng bà C vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Nên Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông N đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị C được ly hôn với ông Lưu Trọng N là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung:

Ý kiến và yêu cầu về nuôi con chung của bà C đúng với nguyện vọng của các con chung nêu trên về người trực tiếp nuôi dưỡng, ông N cũng đồng ý giao con chung cho bà C nuôi nếu Tòa án giải quyết ly hôn, nên cần giao hai con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Bà C không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của ông Lưu Trọng N. Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà C và ông N xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị C phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị C. Bà Trần Thị C được ly hôn với ông Lưu Trọng N.

[2] Về con chung:

- Bà Trần Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục Lưu Gia K (sinh ngày 22/6/2004) và Lưu Gia H (sinh ngày 05/6/2014).

- Bà C không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của ông Lưu Trọng N.

- Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà Trần Thị C, ông Lưu Trọng N có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về án phí: Trần Thị C phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0018875 ngày 06 tháng 7

năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D. Do đó, bà C đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Trường hợp quyết định được thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.*

[4] Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được bản án.

***Nơi nhận**:*
-TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THA dân sự huyện D;
- UBND thị trấn D;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Tín**